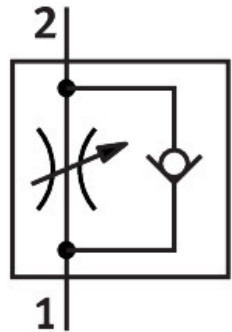


# Van tiết lưu một chiều VFOE-LE-T-M5-Q6

Số bộ phận: 8068724

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                                             | Giá trị                                                                                                |
|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Chức năng van                                                                        | Chức năng quay ngược van tiết lưu khí xả                                                               |
| Cổng nối khí nén 1                                                                   | QS-6                                                                                                   |
| Cổng nối khí nén 2                                                                   | M5                                                                                                     |
| Kiểu vận hành                                                                        | thủ công                                                                                               |
| Phần tử điều chỉnh                                                                   | Núm xoay có khóa                                                                                       |
| Kiểu gắn                                                                             | vặn được                                                                                               |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường theo hướng bướm ga                                  | 105 l/ph                                                                                               |
| Dòng chảy danh định bình thường theo hướng đối lại                                   | 60 l/ph...105 l/ph                                                                                     |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                                                       | -10 °C...60 °C                                                                                         |
| Vật liệu vỏ                                                                          | PBT                                                                                                    |
| Chống cháy nổ                                                                        | Lưu ý thông tin trong chứng nhận<br>Vùng 1 (ATEX)<br>Vùng 2 (ATEX)<br>Vùng 21 (ATEX)<br>Vùng 22 (ATEX) |
| Vị trí lắp đặt                                                                       | bất kỳ                                                                                                 |
| Độ mở cửa van                                                                        | 9 mm                                                                                                   |
| xoay                                                                                 | 360 độ/không được phép xoay liên tục                                                                   |
| Áp suất vận hành của khoảng nhiệt độ hoàn chỉnh                                      | 0.02 MPA...1 MPA<br>0.2 bar...10 bar<br>2.9 psi...145 psi                                              |
| Lưu lượng bình thường theo hướng bướm ga 0,6->0 MPa (6->0 bar, 87->0 psi)            | 160 l/ph                                                                                               |
| Lưu lượng bình thường theo hướng không giật trở lại 0,6->0 MPa (6->0 bar, 87->0 psi) | 150 l/ph...180 l/ph                                                                                    |
| Môi chất vận hành                                                                    | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                                                                   |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                                                | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)                                          |
| Tuân thủ LABS                                                                        | VDMA24364 Vùng III                                                                                     |

| Đặc tính                                 | Giá trị                 |
|------------------------------------------|-------------------------|
| Loại phòng sạch                          | Loại 4 theo ISO 14644-1 |
| Nhiệt độ trung bình                      | -10 °C...60 °C          |
| Mô-men xoắn siết tối đa                  | 2.4 N m                 |
| Mô-men xoắn thắt chặt danh nghĩa         | 2 N m                   |
| Khả năng chịu được mômen siết danh nghĩa | ± 20 %                  |
| trọng lượng sản phẩm                     | 3.3 g                   |
| Ghi chú vật liệu                         | Tuân thủ RoHS           |
| Vật liệu phủ                             | PBT                     |
| Con dấu động vật liệu                    | HNBR                    |
| Vật liệu bu lông                         | Thép, mạ kẽm            |
| Vật liệu vòng nhả                        | PBT                     |
| Vật liệu các vòng đệm kín tĩnh           | NBR                     |